

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2018

V/v tranh chấp “xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sáu
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018; về tranh chấp: “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ P**, sinh năm 1982
Địa chỉ: tổ 09, ấp T, xã B, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp Tân P, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2018 nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ P trình bày: Vào năm 2011 chị và anh Nguyễn Ngọc T, sau thời gian quen biết tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới

theo phong tục tập quán ở địa phương, đăng ký kết hôn ngày 09/11/2012 tại UBND xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 tấm lắc 03 chỉ, tất cả đều bằng vàng 24K; hiện nay vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống ở ấp P, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh 01 con chung tên Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/9/2013, hiện đang sống với chị. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng chị. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2017 anh T hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị nhiều lần, có lúc chị phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp, anh T còn hăm dọa sẽ giết chị. Chị và anh T mâu thuẫn trong từng lời ăn tiếng nói cho đến sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Anh T ngày càng gây áp lực cho chị, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Đã nhiều lần chị khuyên nhủ anh T nhưng không được, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/9/2013 chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu nào khác.

- Tại bản khai ngày 20/7/2017 anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh thống nhất với chị P về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn, vợ chồng anh có cãi nhau về chuyện làm ăn. Nay chị P xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh yêu cầu Tòa án xem xét được đoàn tụ với vợ con. Vì anh đi làm công nhân ở quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không thể về tham dự hòa giải và phiên tòa được nên anh xin được vắng mặt từ nay cho đến khi Tòa án có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/9/2013, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ P: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh Nguyễn Ngọc T; giao con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/9/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ P là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị yêu cầu được ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trong chuyện làm ăn. Tòa án có xác minh tại Công an xã Tân Quới thì vợ chồng anh T có mâu thuẫn về kinh tế, anh T nhiều lần nhậu xỉn về đánh chị P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét, từ ngày chị P và anh T không còn sống chung với nhau, chị P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê N, chị P đảm bảo được việc nuôi con, đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu N; điều kiện kinh tế của chị P ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị P nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: chị Lê Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Mỹ P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị Mỹ P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung:

- Giao con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/9/2013 cho chị Lê Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Lê N. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị Lê Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị P đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012164 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn. Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng